

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU SƠN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 25 /2020/DS-ST

Ngày: 21 - 9 - 2020

Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Long và ông Trần Xuân Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 59/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2020, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2020/QĐST-DS ngày 4 tháng 9 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 35 ngày 21 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị T - sinh năm 1966. (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn 1 H, xã M, huyện T, Thanh Hoá.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Th - sinh năm 1974. (**Vắng mặt**)

Địa chỉ : Thôn 2, xã M, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa, nguyên đơn chị Hoàng Thị T trình bày:

Ngày 10/10/2018 chị cho chị Nguyễn Thị Th vay số tiền là 33.000.000 (Ba mươi ba triệu đồng), khi vay hai bên viết giấy vay tiền. Thời hạn vay là 15 tháng kể từ ngày vay, vay không tính lãi xuất.

Ngày 01/11/2018 chị T tiếp tục cho chị Nguyễn Thị Th vay số tiền 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng), khi vay hai bên không thỏa thuận lãi suất, thời hạn cho vay 18 tháng.

Cả hai lần vay trên chị Th đều là người trực tiếp hỏi vay và cũng là người ký

vào các giấy tờ vay, riêng giấy vay nợ ngày 10/10/2018 có chữ ký của anh Nguyễn Văn H (chồng chị Th), việc viết tên Nguyễn Văn H là do chị Th viết trước sự chứng kiến của chị T, thực tế anh H không phải là người viết tên trên giấy vay nợ, chị Th là người trực tiếp nhận tổng hai lần vay với số tiền 103.000.000đ (một trăm linh ba triệu đồng) từ chị T, đến nay đã quá thời hạn trả nợ, nhưng chị Th chưa trả cho chị T được đồng nào. chị T đã nhiều lần yêu cầu chị Th trả nợ, nhưng chị không trả. Vì vậy chị T yêu cầu Tòa án buộc chị Nguyễn Thị Th phải trả cho chị Thu tổng số tiền vay 103.000.000đ (một trăm linh ba triệu đồng).

Đối với bị đơn là chị Nguyễn Thị Th, quá trình thụ lý giải quyết vụ án, ngày 03/7/2020 và ngày 10/8/2020 Tòa án tiến hành xác minh tại gia đình chị Th và chính quyền địa thôn 2, UBND xã M. Qua báo cáo của bà Hoàng Thị T1 (là mẹ đẻ chị Th) và chính quyền địa phương xã M cho biết, tại thôn 2, xã M chỉ có một người tên là Nguyễn Thị Th, sinh ngày 12/12/1974 có chồng tên là Nguyễn Văn H và có hộ khẩu thường trú tại: Thôn 2, xã M, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Hiện nay chị Th chưa chuyển khẩu đi nơi khác, không có mặt tại địa phương, chị Th ở đâu, gia đình và chính quyền địa phương không biết, khi đi chị Th không xin giấy tạm vắng. Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng và các giấy triệu tập hợp lệ để chị Th đến Tòa án viết bản tự khai, tham dự phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, tham gia phiên hòa giải và tham gia phiên tòa, nhưng chị Th không đến Tòa án, không có lý do, nên vụ án được đưa ra xét xử để Hội đồng xét xử xem xét và quyết định.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự; Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận yêu cầu của chị Hoàng Thị Thu, buộc chị Nguyễn Thị Th phải trả cho chị T tổng số tiền vay 103.000.000đ. Về án phí: Buộc chị Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của nguyên đơn, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Hoàng Thị T khởi kiện chị Nguyễn Thị Th về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Vì vậy căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Chị T khởi kiện chị Th, yêu cầu Tòa án buộc chị Th trả số tiền nợ 103.000.000đ (một trăm linh ba triệu đồng). Tại đơn khởi kiện chị T đã ghi đầy đủ địa chỉ của chị Th theo địa chỉ đã ghi trong " giấy vay tiền mặt", chị Nguyễn Thị Th vắng mặt tại nơi cư

trú khi đang có nghĩa vụ trả nợ đối với chị T, nhưng đã không thông báo cho chị Th và chính quyền địa phương biết về địa chỉ mới nơi đang cư trú theo quy định tại khoản 2 Điều 40, điểm b, khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự, thì được coi là cố tình giấu địa chỉ theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 6 nghị quyết 04/2017 ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Tòa án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ, mặc dù không vì sự kiện bất khả kháng và trở ngại khách quan nào, nhưng chị Th không đến Tòa án, không có lý do. Căn cứ vào khoản 2, Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

Ngày 10/10/2018 chị T cho chị Nguyễn Thị Th vay số tiền là 33.000.000 (Ba mươi ba triệu đồng), khi vay hai bên viết giấy vay tiền. Thời hạn vay là 15 tháng kể từ ngày vay, vay không tính lãi suất.

Ngày 01/11/2018 chị T tiếp tục cho chị Nguyễn Thị Th vay số tiền 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng), khi vay hai bên không thỏa thuận lãi suất, thời hạn cho vay 18 tháng

Tất cả các lần vay trên chị Th là người trực tiếp hỏi vay, ký vào giấy vay tiền mặt và là người trực tiếp nhận tổng số tiền 103.000.000đ từ chị T. Tại giấy vay tiền ngày 10/10/2018 có viết tên anh Nguyễn Văn H (là chồng chị Th), việc viết tên này, chị T khẳng định là do chị Th tự viết trước sự chứng kiến của chị T. Vì vậy anh H không phải có nghĩa vụ trả tiền cho chị T. Việc thỏa thuận giữa chị T và chị Th được thể hiện tại hai "giấy vay tiền mặt" có chữ ký của bên nhận tiền và bên giao tiền, việc giao dịch vay nợ là do các bên tự nguyện. Như vậy yêu cầu của chị T có nội dung phù hợp với quy định của pháp luật, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T.

Về nghĩa vụ trả nợ: Chị Nguyễn Thị Th vay của chị Hoàng Thị T tổng số tiền 103.000.000đ, không tính lãi suất, đến nay quá thời hạn trả nợ, chị Th vẫn chưa trả cho chị T được số tiền trên, vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy có căn cứ để Hội đồng xử chấp nhận buộc chị Th phải trả cho chị T tổng số tiền 103.000.000đ (một trăm linh ba triệu đồng).

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Trả lại cho chị Hoàng Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự;

Khoản 2 Điều 26, Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, điểm b, tiểu mục 1.3, mục 1 phần II, danh mục án phí ban hành kèm theo Nghị quyết.

2. Xử;

- Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hoàng Thị T.
- Buộc chị Nguyễn Thị Th phải có trách nhiệm trả cho chị Hoàng Thị T tổng số tiền 103.000.000đ (một trăm linh ba triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong bản án, hằng tháng chị Th còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.150.000 (năm triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng). Trả lại cho chị Hoàng Thị T số tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2018/0004071 ngày 26 tháng 6 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa là 2.575.000đ (Hai triệu, năm trăm, bảy mươi lăm nghìn đồng)).

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Chị Thu có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Thơ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKS Triệu Sơn
- Các đương sự
- Thi hành án
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thủy

